|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia**

**giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 15 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, gồm:

1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2).

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1 Dự án 3).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 3. Đối tượng, phương thức, nguyên tắc hỗ trợ**

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Quyết định số 90/QĐ-TTg).

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ hai điểm a khoản 3 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg.

2. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện theo dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH).

**Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2): Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1 Dự án 3): Thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT).

2. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (gọi tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết cấp huyện phê duyệt. Phương thức hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện 01 dự án, kế hoạch liên kết hoặc 01 dự án, phương án sản xuất.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất (dự án); lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 1, Mẫu số 2 kèm theo Nghị quyết này.

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng.

- Bước 1. Khảo sát, xây dựng dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH và theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị quyết này.

- Bước 2. Thẩm định dự án: Thực hiện theo đoạn thứ nhất (1), thứ hai (2), thứ tư (4) điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chủ tịch Hội đồng đối với dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo - Dự án 2) và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ tịch Hội đồng đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp - Tiểu dự án 1, Dự án 3); các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Bước 3. Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết: Theo đoạn thứ hai (2) điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Thời gian quyết định phê duyệt dự án: Theo điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2): Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1 Dự án 3): Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 800 triệu đồng/dự án, phương thức hỗ trợ từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện 01 dự án, kế hoạch liên kết hoặc 01 dự án, phương án sản xuất, trong đó mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cho các hộ tham gia dự án đầu tư giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, phân bón, thức ăn chăn nuôi,... theo định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho đối tượng tham gia dự án (hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật), cụ thể:

+ Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/hộ.

+ Đối với hộ mới thoát nghèo, mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/hộ.

+ Đối với hộ dân (không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo) trên địa bàn huyện nghèo: Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ về xây dựng và quản lý dự án (mức tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Thông tư số 46/2022/TT-BTC)), để thực hiện các nội dung:

+ Nghiên cứu, lập dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất (1) điểm b khoản 7 Điều 13 Thông tư số 46/2022/TT-BTC: Tối đa 03 triệu đồng.

+ Khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai (2) điểm b khoản 7 Điều 13 Thông tư số 46/2022/TT-BTC: Tối đa 10 triệu đồng.

+ Triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba (3) điểm b khoản 7 Điều 13 Thông tư số 46/2022/TT-BTC: Tối đa 06 triệu đồng.

+ Các nội dung khác về quản lý dự án (nếu có) theo thực tế phát sinh.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tối đa 40 triệu đồng.

- Hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Chi theo thực tế nhưng không quá 500.000 đồng/tháng.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất (dự án); lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

a) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH và Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo Nghị quyết này.

b) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng:

- Bước 1. Xây dựng dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH và Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo Nghị quyết này.

- Bước 2. Thẩm định dự án: Thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Bước 3. Phê duyệt dự án: Thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Thời gian quyết định phê duyệt dự án thực hiện theo điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 6. Kinh phí thực hiện**

1. Sử dụng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc Chương trình), gồm:

a) Ngân sách trung ương.

b) Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện).

2. Vốn huy động hợp pháp và vốn đóng góp của Nhân dân (nếu có).